

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11-8-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Vân- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 192/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2025 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/7/2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số A, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã V, tỉnh Vĩnh Long); Địa chỉ liên hệ: Số N, đường Đ, tổ 13, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Hà Tân Đ, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số M, ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long); Địa chỉ liên hệ: Nhà trọ Bùi Minh H, số H, đường Đ, tổ 13, khu phố Y, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/02/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều D trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Hà Tấn Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã V, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 16/06/2019.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà sinh sống và làm việc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Thời gian đầu chung sống với nhau, vợ chồng ông bà sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên dần về sau này bắt đầu có những mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gổ với nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, bà D đã cố gắng trao đổi cùng ông Đ để vợ chồng hiểu nhau và xây dựng cuộc sống gia đình tốt đẹp hơn, nhưng cả hai không thể có tiếng nói chung, ông Đ thường đi sớm về khuya làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tuy cả hai sống chung nhà nhưng mỗi người một cuộc sống riêng, không quan tâm lo lắng cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà D xác nhận tình cảm giữa bà và ông Hà Tấn Đ không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Khánh N, sinh ngày 16/11/2020. Tại đơn khởi kiện, bà D yêu cầu sau khi ly hôn, bà D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 16/7/2025, bà D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Hà Tấn Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, yêu cầu ông Hà Tấn Đ có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kiều D nhưng ông Đ không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án triệu tập ông Đ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải vào ngày 16/7/2025 nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến, không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì để thể hiện ông Đ đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà D.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của Tòa án thể hiện bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Hà Tấn Đ là vợ chồng, bà D và ông Đ có cuộc sống hôn nhân khép kín nên chính quyền địa phương không biết gì về mâu thuẫn vợ chồng của bà D và ông Đ nên địa phương không thể cung cấp gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Hà Tấn Đ đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt 02 lần liên tiếp không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Hà Tấn Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã V, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 16/06/2019 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của bà D thì thực tế cuộc sống vợ chồng của bà và ông Đ có nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên gây gổ với nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, bà D đã cố gắng nói chuyện cùng ông Đ để vợ chồng hiểu nhau và xây dựng cuộc sống gia đình tốt đẹp hơn, nhưng cả hai không thể có tiếng nói chung, ông Đ thường đi sớm về khuya làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tuy cả hai vẫn sống chung nhà nhưng mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm, lo lắng cho nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Đ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông Đ không đến Tòa án, việc ông Đ không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp chứng cứ để chứng minh quan hệ hôn nhân chưa đến mức trầm trọng, cũng không quan tâm đến hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà D cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà D yêu cầu ly hôn với ông Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Hà Tấn Đ có 01 con chung là cháu Hà Khánh N, sinh ngày 16/11/2020. Khi ly hôn bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tòa án đã triệu tập ông Đ để trình bày ý kiến về con chung nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng. Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “2. *Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con...trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...*”. Xét thấy, cháu N hiện nay còn nhỏ, dưới 7 tuổi lại là cháu gái nên rất cần có sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao cháu N cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Kiều D không yêu cầu ông Hà Tấn Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của bà D nên hội đồng xét xử ghi nhận

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều D về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với ông Hà Tấn Đ.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều D phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều D đối với bị đơn ông Hà Tấn Đ về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều D được ly hôn với ông Hà Tấn Đ.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Hà Khánh N, sinh ngày 16/11/2020 cho bà Nguyễn Thị Kiều D trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Kiều D phải tạo điều kiện cho ông Hà Tấn Đ qua lại thăm nom con, không ai có quyền cản trở ông Hà Tấn Đ thực hiện quyền này. Trường hợp ông Đ lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà D nuôi con thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Đ theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai số 0009265 ngày 20/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh ;
- VKSND khu vực 15 – TP.HCM;
- Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

Hội đồng xét xử sơ thẩm
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán– chủ tọa phiên toà**

